TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 05 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân
2. Ông Lê Văn Hoàn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST- HNGĐ ngày 17/04/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N; sinh năm: 1981

Số căn cước công dân: 038181018357

Địa chỉ: Thôn P, xã V, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Anh Cao Xuân H; sinh năm: 1982

Số căn cước công dân: 038082001821

Địa chỉ: Thôn I, xã B, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên toà vắng mặt chị N và anh H (Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Cao Xuân H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2010 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa - Nay là UBND xã V, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì

phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cao Xuân H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Minh H1, sinh ngày 14/12/2010 và cháu Cao Minh Tố N1, sinh ngày 24/02/2018. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng anh H, cháu N1 đang ở cùng chị N. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về tài sản: Chị Như không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Cao Xuân H để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lí do. Do đó không có ý kiến của anh H trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Cao Xuân H. Về con chung: Giao cháu Cao Minh H1, sinh ngày 14/12/2010 cho anh Cao Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Cao Minh Tố N1, sinh ngày 24/02/2018 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Cao Xuân H. Anh H cư trú tại xã B, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh H vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh H và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ

cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh Cao Xuân H cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Cao Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2010 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa – Nay là UBND xã V, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ, chồng thường xuyên bất hòa. Chị N và anh H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N ly hôn với anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là cháu Cao Minh H1, sinh ngày 14/12/2010 và cháu Cao Minh Tố N1, sinh ngày 24/02/2018. Xét nguyện vọng của chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh H không có ý kiến về nội dung này. Nguyện vọng của cháu N1 muốn được ở với mẹ, nguyện vọng của cháu H1 muốn được ở với bố. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân đến nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu. Nên chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Chị Như không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Cao Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Minh H1, sinh ngày 14/12/2010 cho anh Cao Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Cao Minh Tố N1, sinh ngày 24/02/2018 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Chị Nguyễn Thị N và anh Cao Xuân H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Thanh Hóa theo biên lai số 0004425 ngày 26/12/2025. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Cao Xuân H. Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7;
- UBND xã Vĩnh Lộc;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Tường Vân **Mai Thị Trang** **Bùi Văn Hải**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Phạm Ngọc Dung **Lê Thị Tâm** **Bùi Văn Hải**